

HOA NÔNG NỈ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tong số tre :310

sang; Phồ thồ ga cà rot nam mỗp cà rot
Sỗ grow
Trỗ : Cỗm thồ heo kho cà rot trỗ cut.
cánh mỗp mông tồ thồ heo nạc
Mon xao: bông cải trắng, xanh
Xe: sỗ grow
Xe chieu: Chao cà hoi bí nỏ

Số Tiền Trên Mọi Tre 36970				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
*CHỒ				
1	Ram (muối)	3,000	1,060	31,800
2	Súp lơ xanh*	3,000	8,610	258,300
3	Nộm măng Cà (loại 1)	4,000	5,940	237,600
4	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
5	Nộm ớt	4,000	3,780	151,200
6	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
7	Gạo tẻ máy	25,000	2,630	657,500
8	Hành lá	1,500	5,360	80,400
9	Hành củ tồ	1,000	5,780	57,800
10	Nam rôm	1,000	13,130	131,300
11	Mỗp	10,000	3,990	399,000
12	Cà rot	5,000	5,460	273,000
13	Rau mông tồ	4,500	4,520	203,400
14	Súp lơ	2,000	8,930	178,600
15	Bí ngỏ (Bí nỏ)	4,000	3,570	142,800
16	Bánh phở	16,000	1,820	291,200
17	Thồ lỏn nạc	14,000	18,380	2,573,200
18	Thồ ga loại 1	3,500	12,920	452,200
19	Trỗ cut	6,300	13,000	819,000
Cong				7,228,200
*XUẤT KHO				
20	Cà hoi	3,500	48,300	1,690,500
21	Sỗ bột Abbot Grow	12,400	20,500	2,542,000
Cong				4,232,500
Tong tiền thức phẩm				11,460,700 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏm chi trong ngày				11470000(đ)
Số đỗ nỏu ngày				0(đ)
Số đỗ cuoi ngày				9300(đ)
Xuất ăn luy ke tồ nỏu thang				
Tiêu chuẩn luy ke tồ nỏu thang				
Tiền chi luy ke tồ nỏu thang				